

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

*“V/v Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG – TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thà.

2. Ông Sùng Seo Chử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lò Cui D – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Chị Lù Sần Ch – Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Lù Sần Ch: Bà Cù Thúy Minh, Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2017 và biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Lò Cui D trình bày: anh và chị Lù Sần Ch về chung sống từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Việc chung sống của anh chị dựa trên sự tự nguyện, tìm hiểu, không bị ép buộc, lừa dối. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc, thương yêu nhau, cùng bảo ban nhau làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Đến tháng 9 năm 2016 chị Ch bỏ nhà đi không bàn bạc gì với anh D, anh đã đến nhà bố mẹ đẻ chị Ch ở xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai tìm nhưng không gặp. Đến tháng 11 năm 2017 chị Ch về thôn L, xã T, huyện M và sống cùng gia đình người chú. Anh D đã động viên, khuyên bảo nhưng chị Ch không về sống cùng anh. Từ đó anh chị không quan tâm đến nhau và chị Ch cũng không về thăm nom chăm sóc con chung. Nay anh D xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ch để ổn định cuộc sống.

Về con: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Cháu Lò Cháng X sinh ngày 03/9/2007 và cháu Lò Tráng S sinh ngày 18/3/2011. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh D tại thôn L, xã T, huyện M. Nguyên vọng của anh D là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và khoản nợ: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2018 bị đơn chị Lù Sần Ch trình bày: Chị và anh Lò Cui D lấy nhau nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2006 như anh D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 chị đi làm ăn xa, không bàn bạc và thông báo gì cho anh D biết. Đến tháng 11 năm 2017 chị Ch về sinh sống tại thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai và ở nhờ nhà chú của chị. Anh D đã động viên, khuyên bảo nhưng chị không về vì chị thường xuyên phải đi xa, công việc không ổn định, thỉnh thoảng chị có sang chơi với con rồi lại đi, chị cũng không quan tâm đến cuộc sống của anh D. Nay anh D khởi kiện ly hôn chị đề nghị Tòa án hòa giải để anh D về đoàn tụ và đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nếu anh D vẫn cương quyết ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung như anh D đã trình bày, hiện cả hai cháu ở cùng anh D tại thôn L, xã T, huyện M. Nếu tòa án giải quyết cho anh D ly hôn chị, chị đề nghị để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không có thu nhập ổn định nên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và khoản nợ: Chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Không hòa giải về quan hệ hôn nhân do anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lò Cui D vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Lù Sần Ch, giao hai con chung là cháu Lò Cháng X và cháu Lò Tráng S cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn chị Lù Sần Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Lù Sần Ch có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lò Cui D và chị Lù Sần Ch. Về nuôi con chung: Anh Lò Cui D có chỗ ở ổn định, có tài sản, thu nhập nên điều kiện nuôi con tốt hơn chị Ch vì chị Ch không có công việc ổn định, không có chỗ ở ổn định. Quá trình giải quyết vụ án anh D và chị Ch cũng đã thỏa thuận về nuôi con chung nên đề nghị Tòa án giải quyết theo thỏa thuận của anh D và chị Ch cũng như nguyện vọng của anh D tại phiên tòa sơ thẩm, giao cả hai con chung của chị Ch và anh D cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật

của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lò Cui D và chị Lò Sần Ch; Về con: Giao con chung là cháu Lò Cháng X và Lò Tráng S cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con; Tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Anh Lò Cui D và chị Lò Sần Ch chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp “nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là vụ án “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ do đó phiên tòa có sự tham gia của Viện Kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Lò Sần Ch là bị đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng chị Ch đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa có sự có mặt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

-Về hôn nhân: Anh Lò Cui D và chị Lò Sần Ch chung sống với nhau từ ngày 15/12/2006 có làm thủ tục cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, do đó không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Lò Cui D có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

-Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Cui D và chị Lò Sần Ch đều xác nhận anh, chị có hai con chung là cháu Lò Cháng X sinh ngày 03/9/2007 và cháu Lò Tráng S sinh ngày 18/3/2011, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh D. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, anh D và chị Ch đã thỏa thuận để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến tuổi trưởng thành, chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy:

+Thỏa thuận của anh D và chị Ch về nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

+Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Lò Cháng X – sinh ngày 03/9/2007, Cháu X có nguyện vọng được ở với bố là anh Lò Cui D. Đối với cháu Lò Tráng S sinh ngày 18/3/2011, đến khi Tòa án giải quyết vụ án chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai. Tuy nhiên qua xem xét nguyện vọng của anh Lò Cui D và lời khai của cháu Lò Cháng X thì sau khi chị Ch bỏ đi anh D vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, chị Ch không cấp dưỡng nuôi con.

+Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lù Sần Ch cũng xác nhận hiện nay chị Ch không có thu nhập ổn định nên điều kiện nuôi con không đảm bảo, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh D giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

+Tại phiên tòa sơ thẩm anh Lò Cui D vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Lò Cháng X và Lò Tráng S, không yêu cầu chị Lù Sần Ch cấp dưỡng nuôi con.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lò Cui D: Giao con chung của anh Lò Cui D và chị Lù Sần Ch là cháu Lò Cháng X sinh ngày 03/9/2007 và cháu Lò Tráng S sinh ngày 18/3/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lù Sần Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và khoản nợ: Anh Lò Cui D và chị Lù Sần Ch đều xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Lò Cui D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lò Cui D và chị Lù Sần Ch.

2/Về con chung: Giao con chung của anh Lò Cui D và chị Lù Sần Ch là cháu Lò Cháng X sinh ngày 03/9/2007 và cháu Lò Tráng S sinh ngày 18/3/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lù Sần Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây khó khăn ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

3/Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lò Cui D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Xác nhận anh D đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2012/0000172 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

4/Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Minh Yên